

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/HS - PT.

Ngày: 30 - 9 - 2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Lương.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Ông Nguyễn Trung Thông.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 227/2020/TLPT-HS ngày 16/9/2020 đối với bị cáo Trần Minh L và Hoàng Văn T1, do có kháng cáo của các bị cáo Trần Minh L và Hoàng Văn T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2020/HS-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Minh L**, sinh năm 1965; Tên gọi khác: Không; ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/10.

Con ông: Trần Minh C (đã chết);

Con bà: Đỗ Thị N (đã chết);

Gia đình có 07 anh em, bản thân là thứ 4;

Vợ: Ngô Thị T, sinh năm 1963;

Con: có 2 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1990;

Tiền án: không; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số: 191/2012/HSST ngày 14/8/2012, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 33 tháng 26 ngày về tội “Tổ chức đánh bạc”, đã chấp hành xong bản án.

+ Bản án số: 69/2016/HSPT ngày 23/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Toà án không triệu tập).

2. Họ và tên: **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1986; Tên gọi khác: Không;

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12;

Con ông: Hoàng Văn U, sinh năm 1957;

Con bà: Đỗ Thị V, sinh năm 1957;

Gia đình có 5 anh em, bản thân là thứ 4;

Vợ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988;

Con: có 2 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại quyết định số: 121/QĐ-XPVPHC ngày 06/7/2018, Công an thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ 09/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có 16 bị cáo khác và 13 người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 08/02/2020, Đỗ Thị L, sinh năm 1968 ở thôn Đ, xã T; Đỗ Thị L1, sinh năm 1965 ở thôn G, xã T; Lương Thị N, sinh năm 1969 ở thôn G, xã T; Hoàng Văn T1, sinh năm 1966 ở thôn G, xã T; Hoàng Văn H, sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã T; Trần Thị M, sinh năm 1968 ở thôn Đ, xã T; Ngô Thị C (tức Ngô Thị K), sinh năm 1967 ở thôn P, xã T; Hoàng Văn T2, sinh năm 1989 ở thôn M, xã T; Hoàng Văn C1, sinh năm 1985 ở thôn Miếu, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Thân Văn T3, sinh năm 1972 ở thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B; Hoàng Thị H1, sinh năm 1978 ở thôn P, xã T, huyện V và Ngô Thị H2, sinh năm 1978 ở thôn G, xã H, huyện V, tỉnh B đã đi đến ngôi Đ thuộc thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh B. L, L1, N, T1, H, M, C, T2, T3 và Hoàng Thị H1 đã cùng nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền bằng hình thức chơi “Dò mò” tại sân của Điểm Giữa. Sau đó một lúc thì có Ngô

Thị T4, sinh năm 1982 ở thôn G, xã T; Hoàng Thị T5, sinh năm 1975 ở Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh L; Vũ Văn H3, sinh năm 1992 ở thôn M, xã T; Hoàng Văn B, sinh năm 1998 ở thôn G, xã T; Ngô Văn T6, sinh năm 1968 ở thôn M, xã T; Đỗ Thị T7, sinh năm 1962 ở thôn G, xã T; Hoàng Văn T1, sinh năm 1986 ở thôn Đ, xã T; Trần Minh L, sinh năm 1965 ở thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh B lần lượt đến và tham gia đánh bạc cùng. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 09/02/2020 thì bị Tổ công tác Công an thành phố Bắc Giang kiểm tra, lập biên bản kiểm tra hành chính.

Về cách thức, hình thức đánh “Dòỉ mỏ” như sau: Công cụ sử dụng đánh bạc là 05 đồng xu kim loại màu đồng, hình tròn, mỗi đồng xu đều có đặc điểm một mặt được mài nhẵn, một mặt có ký hiệu chữ Trung Quốc. Những người tham gia đánh bạc có thể ngồi hoặc đứng thành vòng tròn, một người cầm cái (gọi là người “Dòỉ”), người “Dòỉ” sẽ xếp chồng 05 đồng xu lên nhau, sao cho các mặt nhẵn đều hướng xuống dưới đất, rồi tung lên để các đồng xu rơi tự do xuống đất. Nếu như có từ 03 mặt nhẵn ngửa lên thì người “Dòỉ” thắng cược, thắng số tiền mà các người chơi đặt cược; nếu như có ít hơn 03 mặt nhẵn ngửa lên thì người “Dòỉ” thua cược (còn gọi là “Ngã”), sẽ bị thua số tiền bằng với số tiền các người chơi đặt cược, phải chuyển lượt “Dòỉ” cho người bên phải, cạnh mình. T1 hợp người “Dòỉ” thắng cược thì sẽ tiếp tục “Dòỉ” cho đến khi bị “Ngã” thì mới phải chuyển lượt “Dòỉ”. Sau khi các người chơi đặt cược xong thì người “Dòỉ” tung đồng xu. Những người chơi có thể cá cược với người “Dòỉ” hoặc cá cược với nhau, mức cá cược tự thỏa thuận. Trong một ván “Dòỉ” tổng số tiền các người chơi đặt cược thấp hơn hoặc bằng số tiền mà người “Dòỉ” đặt cược, mức đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 500.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ được khi kiểm tra gồm có: 05 đồng xu hình tròn bằng kim loại màu đồng, đều có một mặt được mài nhẵn, một mặt có ký hiệu chữ Trung Quốc; 01 cốc nhựa và 12 chiếc ghế nhựa. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ tài sản của các đối tượng tham gia đánh bạc gồm:

Đỗ Thị T7 số tiền 1.180.000 đồng; Ngô Thị T4 số tiền 360.000 đồng; Hoàng Văn T1 số tiền 21.700.000 đồng; Dương Thị N số tiền 4.590.000 đồng. Trần Thị M số tiền 6.270.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số IMEI: 358252/04/417678/7; Đỗ Thị L1 số tiền 5.070.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh, đen có số IMEL 1 là 356278081599187, số IMEL 2 là 356278081599195 và 01 chiếc xe đạp mini màu hồng; Ngô Thị C (tức Ngô Thị Kim) số tiền 180.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A10 màu đỏ, có số IMEL là 358176104838277 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen- bạc, biển kiểm soát 98B2 - 715.15; Hoàng Thị H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J5 có số IMEL là 355079081071032; Trần Minh L số tiền 73.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 có số IMEL là

013989001245520 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen- trắng- bạc, biển kiểm soát 98B3- 195.96; Vũ Văn H3 số tiền 840.000 đồng và 01 xe máy điện màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát; Hoàng Văn T2 số tiền 14.400.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 98L7- 3964 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 có số IMEL là 356697083811383; Hoàng Thị T5 số tiền 2.180.000 đồng; 35 tờ tiền ngoại tệ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 có số IMEL là 354834092825128; Hoàng Văn B số tiền 21.070.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i màu sơn đen, biển kiểm soát 98B3- 398.30 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh có số IMEL là 353951101953955; Đỗ Thị L số tiền 11.500.000 đồng và 01 xe máy điện màu sơn nâu, biển kiểm soát 98MĐ1- 103.58; Hoàng Văn H số tiền 11.520.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu DRAHA màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 98L9- 4020; Ngô Văn T6 số tiền 10.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng có số IMEL là 358806055546073 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đỏ, biển kiểm soát 98B1- 242.49; Thân Văn T3 số tiền 495.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số IMEL là 357284081512153; Hoàng Văn T1 số tiền 70.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2 màu vàng có số IMEL là 351556097590133 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Angelhi SYM, màu sơn ghi, biển kiểm soát 98H8- 0544;

Tạm giữ của chị Ngô Thị H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen- bạc, biển kiểm soát 98M9- 1425; Tạm giữ của anh Hoàng Văn C1 số tiền 287.000 đồng. Tạm giữ tại khu vực đường trước cửa Điểm Giữa: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 98B1- 133.68; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu xanh- đen, biển kiểm soát 98B3- 252.21; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ, biển kiểm soát 98B3- 176.14.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị M, Đỗ Thị L1, Đỗ Thị T7, Ngô Thị C, Ngô Thị T4, Trần Minh L, Vũ Văn H3, Hoàng Văn T2, Hoàng Thị T5, Hoàng Văn B, Đỗ Thị L, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H, Ngô Văn T6, Thân Văn T3, Lương Thị N, Hoàng Thị H1, Hoàng Văn T1 xin đầu thú về hành vi đánh bạc và khai nhận như sau:

- Trần Thị M khai trước khi tham gia đánh bạc có 5.070.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thắng được 1.200.000 đồng. Trong số tiền 6.270.000 đồng mà M tự nguyện giao nộp có 1.300.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 4.970.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Đỗ Thị L1 khai trước khi tham gia đánh bạc có 5.970.000 đồng, sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua hết 900.000 đồng. Số tiền 5.070.000 đồng mà L1 tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Đỗ Thị T7 khai có 1.180.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang hòa. Số tiền 1.180.000 đồng mà T7 tự nguyện giao nộp là tiền đánh bạc.

- Ngô Thị C khai trước khi tham gia đánh bạc có 730.000 đồng, sử dụng 550.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua hết 550.000 đồng. Số tiền 180.000 đồng mà C tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Ngô Thị T4 khai có 600.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua 140.000 đồng, còn lại số tiền 360.000 đồng đã tự nguyện giao nộp.

- Trần Minh L khai trước khi tham gia đánh bạc có 1.473.000 đồng, sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua hết 1.400.000 đồng. Số tiền 73.000 đồng mà L tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Vũ Văn H3 khai trước khi tham gia đánh bạc có 1.240.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua hết số tiền 400.000 đồng. Số tiền 840.000 đồng mà H3 tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Hoàng Văn T2 khai trước khi tham gia đánh bạc có 15.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua số tiền 600.000 đồng. Trong số tiền 14.400.000 đồng mà T2 tự nguyện giao nộp có 2.400.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 12.000.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Hoàng Thị T5 khai trước khi tham gia đánh bạc có 2.120.000 đồng và 35 tờ tiền nhân dân tệ của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, mỗi tờ có mệnh giá 100 tệ. T5 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang hòa. Trong số tiền 2.120.000 đồng mà T5 tự nguyện giao nộp có 500.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 1.620.000 đồng và 35 tờ tiền nhân dân tệ không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Hoàng Văn B khai trước khi tham gia đánh bạc có 21.320.000 đồng, sử dụng 750.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua số tiền 250.000 đồng. Trong số tiền 21.070.000 đồng mà B tự nguyện giao nộp có 500.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 20.570.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Đỗ Thị L khai trước khi tham gia đánh bạc có 12.600.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua số tiền 1.100.000 đồng. Trong số tiền 11.500.000 đồng mà L tự nguyện giao nộp có 900.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 10.600.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Hoàng Văn T1 khai trước khi tham gia đánh bạc có 20.700.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thắng được số tiền 1.000.000 đồng. Trong số tiền 21.700.000 đồng mà T1 tự nguyện giao nộp có 1.700.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 20.000.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Hoàng Văn H khai trước khi tham gia đánh bạc có 10.820.000 đồng, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thắng được số tiền 700.000 đồng. Trong số tiền 11.520.000 đồng giao nộp có 1.500.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 10.020.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Ngô Văn T6 khai trước khi tham gia đánh bạc có 510.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua số tiền 500.000 đồng. Số tiền 10.000 đồng mà T6 tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Thân Văn T3 khai có 545.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua số tiền 50.000 đồng, còn lại 495.000 đồng đã tự nguyện giao nộp.

- Lương Thị N khai trước khi tham gia đánh bạc có 4.600.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua số tiền 10.000 đồng. Trong số tiền 4.590.000 đồng mà N tự nguyện giao nộp có 90.000 đồng là tiền đánh bạc, còn lại 4.500.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Hoàng Thị H1 khai có 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang hòa. Số tiền đánh bạc H1 đã trả nợ chị Ngô Thị H2, nên không còn để giao nộp.

- Hoàng Văn T1 khai trước khi tham gia đánh bạc có 270.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, khi bị kiểm tra đang thua số tiền 200.000 đồng. Số tiền 70.000 đồng mà T1 tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Tổng số tiền các đối tượng dùng vào mục đích đánh bạc là 19.125.000 đồng.

Đối với số tiền ngoại tệ thu của Hoàng Thị T5, cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định. Tại kết luận số 406/KL-KTHS ngày 31/3/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: 35 tờ ngoại tệ mệnh giá 100 Yuan gửi giám định là tiền nhân dân tệ của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, mệnh giá 100 tệ, là tiền thật.

Đối với chị Ngô Thị H2 và anh Hoàng Văn C1 là những người có mặt ở Điểm Giữa thuộc thôn Giếng, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang tại thời điểm kiểm tra. Kết quả điều tra xác định chị H2 và anh C1 không có hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý chị H2 và anh C1.

Bản cáo trạng số: 77/CT-VKS ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Trần Thị M, Hoàng Văn T2, Đỗ Thị L1, Đỗ Thị T7, Ngô Thị C, Ngô Thị T4, Vũ Văn H3, Lương Thị N, Hoàng Thị T5, Hoàng Văn B, Đỗ Thị L, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H, Ngô Văn T6, Thân Văn T3, Trần Minh L, Hoàng Thị H1, Hoàng Văn T1 về tội “đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2020/HS-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị M, Đỗ Thị L1, Đỗ Thị T7, Hoàng Văn T2, Ngô Thị C (tên gọi khác: Ngô Thị Kim), Trần Minh L, Hoàng Thị T4, Vũ Văn H3, Hoàng Thị T5, Hoàng Văn B, Đỗ Thị L, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H, Ngô Văn T6, Lương Thị N, Hoàng Thị H1, Hoàng Văn T1, Thân Văn T3 cùng phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38, khoản 3 điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Minh L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/02/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đồng (năm triệu) đồng nộp công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38, khoản 3 điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 14/02/2020 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000đồng (bảy triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/8/2020, bị cáo Trần Minh L nộp đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo. Ngày 26/8/2020, bị cáo Hoàng Văn T1 nộp đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cho bị cáo.

Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 21/9/2020 bị cáo Trần Minh L đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Hoàng Văn T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã nhận được giấy triệu tập phiên toà hợp lệ.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đối với kháng cáo của bị cáo Trần Minh L vì bị cáo đã rút kháng cáo trước khi xét xử phúc thẩm. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Hoàng Văn T1 không có mặt nên không có ý kiến tranh luận và nói lời nói sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Minh L và Hoàng Văn T1 được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 21/9/2020 bị cáo Trần Minh L đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tại thông báo rút kháng cáo số: 25/2020/TB -TA ngày 22/9/2020 Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có văn bản thông báo gửi cho bị cáo Trần Minh L cũng như những người tham gia tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng biết, nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị cáo L.

Tại phiên toà phúc thẩm, Hoàng Văn T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã nhận được giấy triệu tập phiên toà hợp lệ. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T1 tại phiên toà phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Văn T1 thì thấy: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 08/02/2020 đến 0 giờ 05 phút ngày 09/02/2020, tại sân Diêm Giữa thuộc thôn Giếng, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang các bị cáo gồm Trần Thị M, Đỗ Thị L1, Đỗ Thị T7, Ngô Thị C (tên gọi khác: Ngô Thị Kim), Ngô Thị T4, Hoàng Văn T2, Vũ Văn H3, Trần Minh L, Hoàng Thị T5, Hoàng Văn B, Đỗ Thị L, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H, Ngô Văn T6, Thân Văn T3, Lương Thị N, Hoàng Thị H1, Hoàng Văn T1 đã có hành vi đánh bạc với nhau, hình thức đánh “Dò mỏ”, sát phạt nhau được thua bằng tiền, mỗi ván chơi đặt cược thấp nhất 10.000 đồng, cao nhất 500.000 đồng. Trong quá trình chơi, các bị cáo M, T7, L1, T2, T4, H3, H, L, B, T1, T6, T3, N, H2 là các bị cáo đã tham gia đánh bạc từ đầu, các bị cáo vào tham gia sau có C, T3, L, T5. Số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc, thắng bạc là: Trần Thị M sử dụng tiền đánh bạc là 1.300.000 đồng; Đỗ Thị L1 có 900.000 đồng; Đỗ Thị T7 có 1.180.000 đồng; Ngô Thị C (Ngô Thị Kim) có 550.000 đồng; Hoàng Thị T4 có 600.000 đồng; Trần Minh L có 1.400.000 đồng; Vũ Văn H3 có 400.000 đồng; Hoàng Văn T2 có 3.000.000 đồng; Hoàng Thị T5 có 500.000 đồng; Hoàng Văn B có 750.000 đồng; Đỗ Thị L có 2.000.000 đồng; Hoàng Văn T1 có 1.700.000 đồng; Hoàng Văn H có 1.500.000 đồng; Ngô Văn T6 có 500.000 đồng; Lương Thị N có 100.000 đồng; Hoàng Thị H1 có 2.000.000 đồng; Hoàng Văn T1 có 200.000 đồng và Thân Văn T3 có 545.000 đồng đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc xác định được là **19.125.000** đồng (mười chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo Hoàng Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo bị cáo Hoàng Văn T1 về tội “Đánh bạc”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T1 thấy: Bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Hoàng Văn T1 thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ.

Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn T1 là người có nhân thân xấu, năm 2018 bị cáo bị công an thành phố Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Dò mỏ” là trái phép và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng vì động cơ vụ lợi bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện sự coi thường pháp luật. Việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 06 ( Sáu ) tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội, không nặng đối với các bị cáo.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Hoàng Văn T1 không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới để xem xét đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T1 không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T1 phạm tội “ Đánh bạc ”.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38, khoản 3 điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 14/02/2020 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000đồng (bảy triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

[2]. Án phí: Bị cáo Hoàng Văn T1 phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Gia Lương**